

Số: 437/2020/QĐST-HNGĐ

Quận 7, ngày 14 tháng 8 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Trần Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Hữu Quang;

2. Bà Mai Thị Thanh Hương.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Thơm – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Võ Thị Ngọc Châu - Kiểm sát viên.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212, Điều 213, Điều 235 và Điều 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 86/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2019.

**XÉT THẤY:**

Tại phiên tòa các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

**QUYẾT ĐỊNH:**

## I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Yến N, sinh năm 1991; địa chỉ cư trú: Số A đường B, Tổ C, Ấp D, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Đỗ Huy Quốc P, sinh năm 1984; địa chỉ cư trú: Căn hộ số E Chung cư R, phường Phú Mỹ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng TNHH MTV HL; địa chỉ: Tầng Q Tòa nhà Y, số U đường I, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1992; địa chỉ liên hệ: Tầng Q Tòa nhà Y, số U đường I, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền số 52/2019/UQ/HLB.COLL ngày 26/8/2019).

2. Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích V; địa chỉ trụ sở: Số O đường P, Phường 6, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Minh T, sinh năm 1973; địa chỉ liên hệ: Số O đường P, Phường 6, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. (Giấy ủy quyền số 01/DVC14-GUQ ngày 10/01/2020)

3. Ông Đỗ Bình S, sinh năm 1971; địa chỉ cư trú: K, số S đường H, phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Ông Đỗ Thanh T, sinh năm 1974; địa chỉ cư trú: Số AB Đường BC, phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Ông Vũ Đặng Hùng S1, sinh năm 1984; địa chỉ cư trú: QE Chung cư AS, thị trấn Dĩ An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

## II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Yến N và ông Đỗ Huy Quốc P thuận tình ly hôn (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 130, quyền số 01/2013, đăng ký ngày 25/12/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị Yến N và ông Đỗ Huy Quốc P có 01 (Một) con chung là trẻ Đỗ Huy Minh Quang, sinh ngày 20/12/2014.

Bà Nguyễn Thị Yến N và ông Đỗ Huy Quốc P thỏa thuận giao bà Nguyễn Thị Yến N trực tiếp nuôi dưỡng con chung, việc cấp dưỡng nuôi con chung do hai bên tự thỏa thuận.

Ông Đỗ Huy Quốc P có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung và không ai được cản trở. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

### 3. Về quan hệ tài sản chung:

3.1. Công nhận tài sản chung của bà Nguyễn Thị Yến N và ông Đỗ Huy Quốc P tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân là căn hộ CA chung cư X, phường Phú Mỹ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh hiện đứng tên người mua là bà Nguyễn Thị Yến N và ông Đỗ Huy Quốc P (theo Hợp đồng mua bán căn hộ chung cư số 4207/HĐMBN ngày 27/7/2015) và có trị giá tại thời điểm hiện nay là 1.160.000.00 (Một tỷ một trăm sáu mươi triệu đồng).

3.2. Ghi nhận sự thỏa thuận của bà Nguyễn Thị Yến N và ông Đỗ Huy Quốc P giao ông Đỗ Huy Quốc P được sở hữu căn hộ CA chung cư X, phường Phú Mỹ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh hiện đứng tên người mua là bà Nguyễn Thị Yến N và ông Đỗ Huy Quốc P (theo Hợp đồng mua bán căn hộ chung cư số 4207/HĐMBN ngày 27/7/2015).

Mọi khoản thuế, phạt, phí (nếu có) của căn hộ CA chung cư X, phường Phú Mỹ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh do ông Đỗ Huy Quốc P chịu trách nhiệm chi trả. Ông P được quyền liên hệ với cơ quan chức năng có thẩm quyền làm thủ tục hợp thức hóa nhà (sang tên cá nhân ông P) và tuân thủ mọi nghĩa vụ về tài chính và các quy định khác của nhà nước về quản lý đất đai, thông hành địa dịch.

3.3. Ông Đỗ Huy Quốc P có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Yến N 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng) là tiền chia tài sản chung căn hộ CA chung cư X, phường Phú Mỹ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Đỗ Huy Quốc P đã thi hành giao đủ cho bà Nguyễn Thị Yến N vào ngày 14/8/2020.

### 4. Về quan hệ nợ chung:

Công nhận bà Nguyễn Thị Yến N và ông Đỗ Huy Quốc P còn nợ Ngân hàng TNHH MTV HL số tiền nợ gốc, lãi, phạt tính đến hết ngày 31/7/2020 là 199.869.718 đồng (Một trăm chín mươi chín triệu tám trăm sáu mươi chín nghìn bảy trăm mười tám đồng) trong đó nợ gốc: 198.111.479 đồng (Một trăm chín mươi tám triệu một trăm mười một nghìn bốn trăm bảy mươi chín đồng), lãi: 1.758.239 đồng (Một triệu bảy trăm năm mươi tám nghìn hai trăm ba mươi chín đồng). Bà Nguyễn Thị Yến N và ông Đỗ Huy Quốc P đã tắt toán xong cho Ngân hàng TNHH MTV HL vào ngày 31/7/2020.

Đối với các khoản nợ chung đối với ông Vũ Đặng Hùng S1, ông Đỗ Bình S, ông Đỗ Thanh T thì bà Nguyễn Thị Yến N và ông Đỗ Huy Quốc P đã thanh toán xong và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5 Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) theo Phiếu thu ngày 15/5/2020 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh bà N đã đóng đủ và tự nguyện chịu.

### 6. Về án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân gia đình:

Bà Nguyễn Thị Yến N chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2017/0026697 ngày 20/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N đã nộp đủ án phí.

Ông Đỗ Huy Quốc P tự nguyện chịu phần án phí về chia tài sản chung khi ly hôn của bà Nguyễn Thị Yến N là 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng) và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung khi ly hôn của ông Đỗ Huy Quốc P là 31.200.000 đồng (Ba mươi một triệu hai trăm nghìn đồng). Tổng cộng số tiền án phí về chia tài sản chung khi ly hôn ông Đỗ Huy Quốc P phải chịu là 45.200.000 (Bốn mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Yến N số tiền tạm ứng án phí là 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng) theo biên lai thu số AA/2018/0031713 ngày 25/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 1, Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự ;
- VKSND Q7 Tp. HCM
- Chi cục THADS Q 7;
- TAND TP HCM;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: VP, HS (Thơm).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Trần Cảnh**